

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2022/HS-ST
Ngày: 23 - 11 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Vui.

Ông Lê Đức Chạc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2022/HSST ngày 14 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXXST-HS ngày 11/11/2022 đối với:

Bị cáo: Lê Văn V - Sinh năm 1989 tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã Th, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Nơi ở hiện nay: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; con ông Lê Văn Ch, sinh năm 1962 (đã chết năm 2016) và con Chu Thị T, sinh năm 1961, hiện đang ở xã Th, huyện Y, tỉnh Yên Bái; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; có vợ là Trương Thị Bích Ng, sinh năm 1992, hiện đang ở xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; bị cáo có 02 con: con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Ngày 29/5/2009, bị Công an xã Th, huyện Y, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, phạt tiền 100.000 đồng. Đã nộp phạt ngày 12/7/2009.

+ Ngày 12/4/2010, bị Công an xã Th, huyện Y, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau, phạt tiền 200.000 đồng. Đã nộp phạt ngày 04/5/2010.

+ Ngày 29/12/2010 Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái xử phạt Lê Văn V 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong thời gian thử thách và nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 21/02/2011.

Bị cáo Lê Văn V được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/8/2022 cho đến nay; có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đặng Xuân V1, sinh năm 1984; nơi cư trú: Xóm 10, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. Anh Bùi Duy Đ, sinh năm 1993; nơi cư trú: Đội 1, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

* Người làm chứng: Chị Trương Thị Bích Ng, sinh năm 1992; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 06/01/2021 (âm lịch), tức ngày 17/02/2021 (dương lịch) đến ngày 21/7/2022, Lê Văn V đã cho 03 người vay với tổng số tiền là 150.000.000 đồng, số tiền lãi V thu lợi bất chính là 35.138.000 đồng. Cụ thể:

1. Anh Đặng Xuân V1, sinh năm 1984, ở Xóm 10, xã N, huyện N vay 3 lần với tổng số tiền vay là 115.000.000 đồng:

- Lần thứ nhất: Ngày 06/01/2021 (âm lịch) (tức ngày 17/02/2021 dương lịch), anh V1 đến nhà gặp Lê Văn V đặt vấn đề vay số tiền 50.000.000 đồng, mục đích để kinh doanh. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 3.000đ/triệu/ngày (tương đương 108%/năm). V đồng ý và giao tiền, hai bên không viết giấy vay tiền nhưng V có ghi chép vào sổ để theo dõi. Đến ngày 06/02/2021, anh V1 đã trả cho V số tiền vay là 50.000.000 đồng và 4.500.000 đồng tiền lãi của một tháng. Số tiền lãi V thu lợi bất chính là: $4.500.000 - (50.000.000 : 12 \times 20\%) = 3.667.000$ đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 19/01/2021 (âm lịch), anh V1 tiếp tục đến nhà đặt vấn đề vay V số tiền 30.000.000 đồng, cũng với lãi suất 3.000đ/triệu/ngày. V đồng ý và giao tiền, hai bên không viết giấy vay tiền nhưng V có ghi chép vào sổ để theo dõi. Đến ngày 19/02/2021, anh V1 đã trả cho V số tiền vay là 30.000.000 đồng và

2.700.000 đồng tiền lãi của một tháng. Số tiền lãi V thu lợi bất chính là: $2.700.000 - (30.000.000 : 12 \times 20\%) = 2.200.000$ đồng.

- Lần thứ ba: Ngày 25/01/2021 (âm lịch), anh V1 tiếp tục đến nhà đặt vấn đề vay V số tiền 35.000.000 đồng, cũng với lãi suất thỏa thuận 3.000đ/triệu/ngày. V đồng ý và giao tiền, hai bên không viết giấy vay tiền nhưng V có ghi chép vào sổ để theo dõi. Đến ngày 25/9/2021, anh V1 đã trả cho V số tiền vay là 35.000.000 đồng và trả lãi 08 tháng với tổng số tiền là 25.200.000 đồng. Số tiền lãi V thu lợi bất chính là: $25.200.000 - [(35.000.000 : 12 \times 20\%) \times 8] = 20.533.000$ đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi V thu lợi bất chính từ việc cho anh V1 vay tiền là: $3.667.000 + 2.200.000 + 20.533.000 = 26.400.000$ đồng. (Bút lục: 10-12, 13-17, 76-96).

2. Anh Bùi Duy Đ, sinh năm 1993, ở Đội 1, xã N, huyện N vay 02 lần với tổng số tiền vay 15.000.000 đồng:

- Lần thứ nhất: Ngày 15/02/2022, anh Đ đến nhà gặp V đặt vấn đề vay số tiền 8.000.000 đồng, mục đích để chi tiêu cá nhân. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 5.000đ/triệu/ngày (tương đương 180%/năm). V đồng ý và yêu cầu anh Đ viết giấy mượn tiền vào sổ ghi chép của V và ký tên vào phần “người mượn”, sau đó đưa cho V giữ.

- Lần thứ hai: Ngày 02/3/2022, anh Đ tiếp tục đến gặp V hỏi vay thêm 7.000.000 đồng cũng với lãi suất 5.000đ/triệu/ngày. V đồng ý và yêu cầu anh Đ viết giấy mượn tiền tiếp vào mặt sau của giấy mượn tiền ngày 15/02/2022 và ký tên vào phần “người mượn”. V giao tiền cho anh Đ và giữ lại giấy mượn tiền.

Đến ngày 15/3/2022, anh Đ đã trả cho V tổng cộng 1.655.000 đồng tiền lãi của 2 khoản vay trên, trong đó có 1.200.000 đồng là lãi của khoản vay 8.000.000 đồng trong 1 tháng và 455.000 đồng tiền lãi của khoản vay 7.000.000 đồng trong thời gian 13 ngày. Số tiền lãi V thu lợi bất chính là: $[1.200.000 - (8.000.000 : 12 \times 20\%)] + [455.000 - (7.000.000 : 360 \times 20\%) \times 13] = 1.471.000$ đồng.

Đến ngày 15/5/2022, anh Đ tiếp tục trả cho V số tiền 4.500.000 đồng là tiền lãi trong 02 tháng của khoản vay 15.000.000 đồng. Số tiền lãi V thu lợi bất chính là: $4.500.000 - [(15.000.000 : 12 \times 20\%) \times 2] = 4.000.000$ đồng. Đến ngày 09/6/2022, anh Đ đã trả cho V số tiền vay là 15.000.000 đồng và tiền lãi 24 ngày của khoản vay (tính từ ngày 16/5/2022 đến ngày 09/6/2022) là 1.800.000 đồng. Số tiền lãi V thu lợi bất chính là: $1.800.000 - [(15.000.000 : 360 \times 20\%) \times 24] = 1.600.000$ đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi V thu lợi bất chính là từ việc cho anh Đ vay tiền là: $1.471.000 + 4.000.000 + 1.600.000 = 7.071.000$ đồng. (Bút lục: 20-24, 25-27, 76-96).

3. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993, ở thôn H, xã N, huyện N vay 2 lần với tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng, trong đó có 10.000.000 đồng chưa trả lãi:

- Lần thứ nhất: Ngày 21/5/2022 chị Th đến nhà gặp V để hỏi vay số tiền 20.000.000 đồng, mục đích để kinh doanh nhưng V không có nhà nên chị Th gọi điện cho V, hai bên thỏa thuận lãi suất là 2.000.000 đồng/20.000.000 đồng/tháng (tương đương 3.333 đồng/triệu/ngày, 120%/năm). Sau đó, V gọi điện cho vợ là chị Trương Thị Bích Ng bảo chị Ng đưa 20.000.000 đồng cho chị Th nhưng V không nói cho chị Ng về việc cho chị Th vay tiền để lấy lãi. Ngày 21/6/2022, chị Th đến nhà V để trả 2.000.000 đồng tiền lãi của 01 tháng (chưa trả tiền gốc) nhưng V không có nhà nên chị Th gọi điện cho V, sau đó đưa tiền lãi cho chị Ng là vợ của V. Chị Ng nhận tiền nhưng không biết đó là tiền lãi chị Th trả cho V. Số tiền lãi V thu lợi bất chính là: $2.000.000 - (20.000.000 : 12 \times 20\%) = 1.667.000$ đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 13/7/2022, chị Th tiếp tục liên lạc với V qua ứng dụng Messenger Facebook để hỏi vay thêm 10.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 3.500 đồng/triệu/ngày (tương đương 126%/năm). V đồng ý và sử dụng dịch vụ Internet banking từ điện thoại của V chuyển số tiền 10.000.000 đồng vào số tài khoản do chị Th cung cấp. Đối với khoản vay này, chị Th chưa trả tiền lãi cho V. Ngày 25/9/2022, sau khi biết việc V bị Công an phát hiện, xử lý, chị Th đã trả cho V số tiền đã vay là 30.000.000 đồng và V không lấy thêm tiền lãi đối với khoản vay trên. (Bút lục: 28-33, 34-40, 41-43, 76-96).

Trong quá trình điều tra, Lê Văn V đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N số tiền 42.355.000 đồng, xác định: 35.138.000 đồng là tiền V thu lợi bất chính từ việc cho vay và số tiền 7.217.000 đồng là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của bản thân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Lê Văn V từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo V trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để nộp ngân sách Nhà nước; đề nghị phạt bổ sung đối với bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng;

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự để xử lý vật chứng của vụ án. đề nghị áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về định tội danh: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay. Như vậy đã đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 17/02/2021 đến ngày 21/7/2022, Lê Văn V đã cho anh Đặng Xuân V1, anh Bùi Duy Đ và chị Nguyễn Thị Th vay tổng số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất từ 3.000đồng/1 triệu/1 ngày đến 5.000đ/1 triệu/ 1 ngày, tương đương với 108%/năm đến 180%/năm, gấp từ 5,4 lần đến 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 35.138.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi của bị cáo còn làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn do phải trả lãi cao, làm ảnh hưởng đến công tác phòng chống các tệ nạn xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai, lên án xử lý nghiêm minh là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự Hội đồng xét xử thấy bị cáo V phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành án để sung quỹ Nhà nước là phù hợp với Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và có biện pháp giáo dục đối với bị cáo cũng như những người khác nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự:

- Đối với số tiền gốc bị cáo dùng để cho vay là 150.000.000 đồng là tiền để thực hiện tội phạm nên cần buộc bị cáo phải nộp lại để sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 42.355.000 đồng thu giữ của Lê Văn V trong đó có 7.217.000 đồng là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm, xác định đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Số tiền còn lại 35.138.000 đồng là tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc cho vay nên phải trả lại cho những người vay, cụ thể: trả cho anh Đặng Xuân V1 26.400.000 đồng; trả cho anh Bùi Duy Đ 7.071.000 đồng và trả cho chị Nguyễn Thị Th số tiền 1.667.000 đồng.

- Đối với 01 quyển vở ô ly nhãn hiệu Hồng Hà, kích thước 24x16,8 cm, bên trong có 03 mặt giấy Lê Văn V ghi chép nội dung cho anh V1, anh Đ, chị Th vay tiền và 01 giấy mượn tiền do anh Đ viết là vật chứng được lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 điện thoại di động của Lê Văn V sử dụng để liên lạc có liên quan đến hành vi phạm tội, V đã làm rơi mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

[6] Đối với chị Trương Thị Bích Ng là vợ của Lê Văn V, có đưa cho chị Th 20.000.000 đồng ngày 21/5/2022 và nhận 2.000.000 đồng ngày 21/6/2022 nhưng chị Ng không biết việc V cho chị Th vay tiền với lãi suất như trên nên Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý đối với chị Trương Thị Bích Ng là phù hợp.

[7] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ 123; 131 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn V phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Lê Văn V 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ một phần thu nhập là 10% của bị cáo Lê Văn V trong thời gian chấp hành hình phạt, việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

Giao bị cáo Lê Văn V cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định nơi cư trú của bị cáo giám sát giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Văn V số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng chẵn*) để sung ngân sách Nhà nước.

4. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

- Buộc bị cáo Lê Văn V phải nộp lại số tiền đã sử dụng để cho vay lãi nặng (đã được người vay tiền trả lại) là 150.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 42.355.000 đồng bị cáo Lê Văn V đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 02/11/2022 giữa Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện N, được xử lý như sau: Trả lại cho anh Đặng Xuân V1 số tiền 26.400.000 đồng; Trả lại cho anh Bùi Duy Đ số tiền 7.071.000 đồng; Trả lại cho chị Nguyễn Thị Th số tiền 1.667.000 đồng. Số

tiền 7.217.000 đồng còn lại là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn V phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, anh Bùi Duy Đ; vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Xuân V1 và chị Nguyễn Thị Th. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân Tỉnh + huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã N;
- Án văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án phạt tù.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương